

CÂU HỎI LẤY THÔNG TIN TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT (tiếp theo kì trước)

NGUYỄN ĐĂNG SỬU
(TS, Viện Đại học Mở HN)

Như đã nói ở phần trước của bài, đăng trong tạp chí NN&ĐS, N^o 10-2008, trong tiếng Anh có bốn hình thức để biểu thị câu hỏi Có - Không

- a) Câu hỏi khẳng định đảo trật tự từ
- b) Câu hỏi khẳng định không đảo trật tự từ
- c) Câu hỏi phủ định đảo trật tự từ.
- d) Câu hỏi phủ định không đảo trật tự từ.

Nhưng trong tiếng Việt có nhiều cách diễn đạt câu hỏi Có - Không khác nhau bằng phương tiện từ vựng, không đảo trật tự từ trong câu, tùy thuộc vào ngữ cảnh, thời gian, vai giao tiếp, thái độ, sắc thái biểu cảm của người nói. Câu hỏi trong tiếng Việt có các kiểu cơ bản sau tương ứng với bốn hình thức biểu thị câu hỏi Có-Không trong tiếng Anh.

3.1. Tiếng Anh: *Op (be, have, do...) + S + Predication?*

Tiếng Việt: CN + có ... không?

Theo tư liệu chúng tôi khảo sát, câu hỏi được diễn đạt theo cách này là loại câu hỏi tổng quát phổ biến nhất, được sử dụng khá rộng rãi trong cả tiếng Anh và tiếng Việt.

a) Op (be) + S + Predication? Thí dụ:

[23] "Well now, my dear", she said at last, "Are you pleased with my husband" (R.43)

"Thế nào, ông bạn?" - cuối cùng bà nói "Ông có được hài lòng về nhà tôi không?" (ĐĐ.126)

[24] "Is Mr Rochester living at Thornfield Hall now?" - I asked (JE.449)

Hiện nay ông Rô Chexter có ở Thonơphin không? Tôi hỏi (JE.395-2)

b) OP (do) + S + Predication?

[25] Before I tell about it, **do** you agree to keep it a secret? (NCP.30)

Trước khi tôi nói với các anh về nó, các anh có hứa giữ bí mật không? (NCP.30)

[26] "Ha! poor baby! Mused Miss Betsey with her frown still bent upon the fire "Do you know anything?" (DC.7)

Cô Bét xi vẫn cau mày cúi nhìn ngọn lửa, nói mơ mộng: "Tôi nghiệp con bé! Đây, thế chị có biết làm gì không?" (DC.41)

c) OP (have) + S + Predication?

[27] "Have you got the photograph?" I asked (NCP.37)

Anh có ảnh không? Tôi hỏi (NCP.49)

[28] Had you ever experience of such a character, sir? Did you ever love such a one (JE.273)

Ông có bao giờ gặp một tính cách như thế không, thưa ông? Ông đã yêu một người nào như thế bao giờ chưa? (JE.82-2)

d) OP (will/can...) + S + Predication?

[29] Will you be in the least bit put out by it, Julien? (R.126)

Ông có cho điều đó là một sự thất ý không? (ĐĐ.250-1)

[30] And can you draw? And have you learnt French?" (JE.96)

Thế cô có biết về không? Cô đã học tiếng Pháp chưa? (JE.182)

Loại câu hỏi này cần câu trả lời xác định lại thông tin mà người phát ngôn còn chưa rõ hoặc còn nghi ngờ. Thông tin đó chính là tiêu điểm nghi vấn và nằm trong khung vị ngữ. Cách diễn đạt này trong tiếng Việt có một số biến thể như: *có... không đấy?*, *có... không nhỉ?*, *có... không thế?*, *có thật... không đấy?*, *có... không đã?* Thí dụ:

[31] *Your conduct today is admirable, but is it prudent for us to try to see each other tonight?* (R.141).

Cách xử sự của bà hôm nay thật đáng phục, nhưng đêm nay lại tìm cách gặp nhau thì có thật là thận trọng không? (ĐĐ.274-1).

[32] *Now will this tutor wear a cassock once he's in my employment?* (R.17)

Anh chàng gia sư này, một khi về với mình, rồi có sẽ đi tu nữa không nhỉ? (ĐĐ.87-1)

[33] *Is there an anonymous letter?* (R.126)

Có thư nặc danh không đã? (ĐĐ.250-1)

Câu hỏi có tổ hợp trợ từ nghi vấn còn... không? trong tiếng Việt dùng để thăm dò, lấy một thông tin cần thiết nào đó cho người phát ngôn từ phía người nhận phát ngôn mà người phát ngôn cho rằng sự việc, sự kiện hay một hành động nào đó chưa hết hoặc chưa kết thúc. Thí dụ:

[34] *Did that boy Enzo get away?* (GF...130)

Còn cu cậu Endô có kịp chuồn không? (BG.206)

[35] *Were any other lives lost?* (JE.451)

Còn ai chết nữa không? (JE.400)

[36] *And was Marketing Rochester now ugly in my eyes?* (JE.153)

Liệu lúc này trước mắt tôi, ông Rochexterr còn xấu trai nữa không? (JE.288).

[37] *Has it other furniture of the same kind within?* (JE.131)

Liệu cái đầu ấy còn có đề tài nào khác cùng loại này không? (JE.246-1)

Trong tiếng Việt còn xuất hiện câu hỏi có trợ từ nghi vấn... không? ở cuối câu, đây là một dạng biến thể của câu hỏi có tổ hợp trợ từ nghi vấn “có... không?”. Thí dụ:

[38] *Can you see it, he shouted* (N.C.P.15)

Anh có thấy không, Watson? Anh ta hét lên (N.C.P.27)

[39] *Can you steal it from her house?* (N.C.P.32)

Anh có thể lấy trộm ở nhà nàng không? (N.C.P.44)

[40] *There is an opening at the Eagle Laundry. Would you like to apply for it?* (F.S.100).

Tiệm giặt Con Ó đang khai trương. Anh muốn xin việc ở đó không? (C.C.100).

[41] *What about me, am I to love you like a brother?* (R. 120)

Nhưng còn tôi, tôi có sẽ yêu mình như một người em trai không?

(Đ.Đ.241)

3.2. Tiếng Anh: OP + S + Predication?

Tiếng Việt: Có phải... + CN + VN + không?

Câu hỏi Có - Không tiếng Anh và câu hỏi tiếng Việt có cụm từ nghi vấn tương đương yêu cầu câu trả lời xác định tính chân thực của một mệnh đề (được biểu thị bằng một câu trọn vẹn). Loại câu hỏi này trong tiếng Việt có nét nghĩa khác với câu hỏi có cụm trợ từ nghi vấn “có... không”. Vì câu hỏi có cụm trợ từ nghi vấn “có... không” chỉ yêu cầu câu trả lời khẳng định “có” hoặc phủ định “không”, còn trong câu hỏi có cụm trợ từ nghi vấn “có phải... không?” thì có mệnh đề đưa ra hỏi đã được tiền giả định. Thí dụ:

[42] *Criticize me. Does my forehead not please you?* (J.E.137)

Cô cứ việc phê bình, có phải cô không ưa vầng trán tôi không?

Câu hỏi này được tiền giả định là: Tôi cho rằng cô thích vầng trán của tôi, nhưng cô lại làm ra vẻ là không thích.

[43] *Did Mike send you up here to threaten me? She asked* (GF.444)

Có phải Maicon sai anh đến dọa tôi đấy **không**? (B.G.669)

[44] *Are you the one he loves? She exclaimed in her madness* (R.72)

Có phải ông ấy yêu chị **không**? Bà kêu lên trong cơn mê loạn (Đ.Đ.169-1).

[45] *Is it Murdstone, ma'am? I said* (DC.52)

Thưa bà thế **có phải** bà tên là Mocxtôn **không** ạ? Tôi nói (DC.138)

Trong tiếng Việt cũng thường có các cụm trợ từ nghi vấn như “**đã phải là.. không**” trong câu hỏi tương ứng với loại câu hỏi Có - Không trong tiếng Anh. Thí dụ:

[46] *During a conversation with a kindly old minister, the young man asked, “Is really such a sin to sleep with a girl?”* (F.S. 134).

Trong lần nói chuyện với một linh mục già phúc hậu, chàng trai hỏi “Ngủ chung với một cô gái **đã phải là** có tội **không**?” (C.C.134).

Tương ứng với câu hỏi Có - Không trong tiếng Anh chúng ta cũng thường thấy câu hỏi với các trợ từ nghi vấn **có phải không?**... **phải không?** hoặc có ... **không?** ở vị trí cuối của câu hỏi trong tiếng Việt. Đây thực ra là các biến thể của loại câu hỏi có chứa **có phải... không?** Thí dụ:

[47] *Sir Robert Chiltern: You prefer to be natural?* (J.H.36)

Ngài Rôbôt Sinh-ton: Thế bà thích tự nhiên hơn **phải không**? (MNC.36)

[48] *Haven't you got any children, Mr Peggotty?* (DC.26)

Ông không có con **phải không**, ông Pécgô-ti? (DC.83-1)

3.3. Tiếng Anh: Op + S + Predication ?

Tiếng Việt: CN+VN + **được không/có được không?**

Tiêu điểm nghi vấn của loại câu hỏi này là hỏi ý kiến hoặc xin phép người đối thoại, hoặc thăm dò hoặc đưa ra một yêu cầu đối với người đối thoại. Thí dụ:

[49] *Lord Goring: May I try?* (I. H. 100)

Nam tước Gô-rinh: Cho tôi thử **có được không**? (MNC.101)

[50] *Will you send this to him?* (G.F.238)

Bác gửi giúp cháu cái này cho anh ấy **có được không** ạ? (BG.365)

[51] *The principal asked, “Can I help you?”* (F.S. 152)

Thầy hiệu trưởng hỏi: “Thầy **có thể** giúp cháu **được không**?” (CC.153)

Câu hỏi kiểu này trong tiếng Việt cũng có hình thức giống với câu hỏi đuôi trong tiếng Anh bằng cách dùng các cụm trợ từ nghi vấn... **phải không?** **có phải không?** **có phải thế không?** làm phương tiện biểu thị nghĩa nghi vấn, đặt ở cuối câu. Thí dụ:

[52] *And his sisters are called Diana and Mary Rivers?* (JE.36)

Các cô em tên là Diana và Mary **phải không**? (J.E.235)

[53] *Somebody like me?* (G.F.412)

Kiểu như tôi **phải không**? (B.G.625)

(Một ai đó giống như tôi **phải không** ?)

[54] *If you dread them they'll dislike you.*

As you do, Besie? (JE.41)

Nếu cô sợ, họ sẽ ghét cô.

Cũng như chị, **có phải không**, chị Bét xi? (JF.84-1)

3.4. Câu hỏi Có-Không tiếng Anh:

S+Op+Predication ?

Op + S + Predication?

Câu hỏi tiếng Việt loại: CN+VN + à, ư, nhỉ nhé, hả, chứ, sao...?

Loại câu hỏi Có - Không trong tiếng Anh tương đương với câu hỏi tiếng Việt có những trợ từ nghi vấn này ở cuối câu cũng được sử dụng nhiều trong giao tiếp của người Việt. Ngoài khả năng tạo thành câu hỏi trong tiếng Việt, những trợ từ nghi vấn này còn có thể kèm theo việc biểu đạt những sắc thái tình cảm khá tế nhị. Những sắc thái tình cảm này được xét trong mối quan hệ

người nói với người nghe chứ không phải đối với vật, sự việc, hiện tượng được nói trong câu. Có lẽ, trong số các trợ từ nghi vấn này, trợ từ “à” mang nét nghĩa trung tính nhất. Trợ từ này có thể được dùng để hỏi với mọi đối tượng và biểu đạt sắc thái không chờ đợi, bất ngờ. Thí dụ:

[55] *Can't you love me a little in return?* (I.H.236)

Cô không thể yêu tôi một chút để đáp lại à? (M.N.C.237)

[56] *And you would thrust on me a wife?* (J.E.304)

Ông muốn gán cho tôi một người vợ à? (J.E.138-2)

[57] *You mean this?* (G.F.360)

Em nói cái này à? (B.G.537)

Ngoài ra còn có các biến thể khác của câu tiếng Việt có à, để bày tỏ sự ngạc nhiên của người phát ngôn 'như: *thế... à, thế ra... à?*. Thí dụ:

[58] *Then you are married, Bessie?*

And you don't live at Gateshead? (J.E.94)

Thế chị lấy chồng rồi à? Thế chị không ở Gattohét nữa à? (J.E.179-1)

[59] *And this beautiful and accomplished lady is not yet married?* (J.E.168)

Thế còn người tài sắc chưa có chồng à? (J.E.310-1)

Cụm trợ từ nghi vấn *vậy là... à?* được sử dụng để biểu đạt nét nghĩa hoàn toàn khẳng định và cũng là một lời kết luận của một sự việc hay hành động đối với thực tại khách quan. Thí dụ:

[60] *Then you and I must bid good-bye for a little while?* (J.E.236)

Vậy là cô và tôi phải từ biệt nhau trong một thời gian ngắn à? (J.E.16-2).

Trợ từ nghi vấn *ư* được dùng trong câu hỏi với đối tượng có mối quan hệ thân hữu và biểu đạt sắc thái bất ngờ của người phát ngôn, nhưng muốn hướng người đối thoại xác định tính chân thực của mệnh đề đã được nêu ra. Thí dụ:

[61] *Don't you love me? Do you wish to ruin me?* (R. 125)

Mình không yêu tôi ư? Mình muốn giết tôi ư? (ĐĐ. 249-1)

[62] *Is she going by herself?* (J.E.43)

Cô ấy đi một mình thôi ư? (J.E.88-1)

Trợ từ nghi vấn *nhỉ?* trong tiếng Việt thường được dùng để hỏi những đối tượng trong quan hệ thân hữu. Loại câu hỏi này thường được dùng có tính chất thăm dò hoặc tranh thủ sự đồng tình của người đối thoại. Khi sự việc nêu trong câu chưa thể hay không thể thực hiện thì nó mang sắc thái mong ước hoặc nhận xét. Thí dụ:

[63] *That's easy for you to say?* (G.F.98)

Mày nói dễ nghe nhỉ? (B.G.157)

[64] *Is the sun - dial glod, I wonder that it can tell the time again?* (DC.12).

Không biết nhật quy có vui sướng vì nó lại chỉ được giờ không nhỉ? (DC.52).

Câu hỏi *Có-Không* tiếng Anh tương đương với câu hỏi có *nhé?* ở cuối câu trong tiếng Việt, biểu thị nét nghĩa đề nghị mời rủ hoặc đôi khi diễn đạt ý xin phép của người phát ngôn muốn hướng người đối thoại đồng tình với mình về hoạt động hoặc sự việc sắp tới. Thí dụ:

[65] *Wait out in the living - room eh?* (G.F.92)

Chú chờ cho một lúc ở ngoài phòng khách nhé? (B.G.148)

[66] *Shall I fix up the other bedroom?* (G.F.166)

Vậy trải giường trong phòng trống cho anh nhé? (B.G.257)

[67] *I'll give it to you in writing, want me to?* (G.F.161)

Không tin thì để anh viết cho em cái giấy chứng nhận hẳn hoi nhé? (B.G.249)

Trợ từ nghi vấn *hả, hở* được đặt ở vị trí cuối câu để gọi người đối thoại đưa ra câu trả lời xác định thông tin của người phát ngôn đồng thời còn tỏ ý thăm dò. Thí dụ:

[68] *But well caried out, eh?* (J.E.212)

Nhưng thực hiện cũng khá đầy đủ chứ hả? (thăm dò) (J.E.387)

[69] *Now. Can I do something for you still?* (G.F.35)

Sao nào, bố vẫn còn được việc cho mày **hả**? (B.G.49)

[70] *Is there anything else you wish for, Jane?* (J.E.22)

Mày còn ước điều gì nữa không **hở** Jane (J.E.79)

Đôi khi dấu phẩy, xuất hiện trước **hả** tạo thành độ dừng tạm thời, ngăn trong câu hỏi để biểu thị thái độ của người phát ngôn đồng thời hướng sự tập trung, chú ý của người đối thoại. Thí dụ:

[71] *Well, Consigliorri, do you disapprove of any of my deeds today?* (G.F.298)

Thế nào, *Consigliori*, mày không tán thành những điều hôm nay tao làm, **hả**? (B.G.457).

[72] *He looked questioningly at Hagen, "Is Bonasera the only one left?"* (GF.26)

Ông nhìn Haghen dò hỏi: Còn một mình Bôna xêra thôi **hả**? (BG.33)

Trợ từ nghi vấn *chứ* (chờ) được dùng với các đối tượng có quan hệ thân hữu với người phát ngôn, biểu thị sắc thái tin tưởng vào những điều mà người phát ngôn đưa ra trong mệnh đề đã được tiền giả định. Thí dụ:

[73] *And did you see the bed?* (N.C.P. 14)

Và anh nhận thấy cái giường **chứ**? (N.C.P. 26)

[74] *"Hearts", said Mr Barkis "Sweethearts? No person walks with her?"* (DC.51)

Báckít nói: "Người yêu ấy mà... không có người đàn ông nào hay đến chơi với chị ta **chứ**?(DC.138)

"**Đấy chứ, cả chứ?**" là những dạng biến thể của **chứ**? dùng để nhấn mạnh vào tiêu điểm nghi vấn trong câu. Thí dụ:

[75] *"Then I can send my people home tomorrow?"* (GF.92)

Mai tôi đưa bọn đàn em về được rồi **chứ**? (BG.148)

[76] *"If you wish me to speak more plainly, show me your palm. And must cross it with silver, I suppose?"* (JE. 207)

Nếu cô muốn nói rõ ràng, thì hãy đưa bàn tay đây tôi xem. Và hẳn phải kèm theo một đồng tiền vào **đấy chứ**? (JE.378).

[77] *Is there anything wrong with me?* Michael asked (G.F.129)

Mai còn hỏi: Còn lại điều nguyên lành **cả chứ**? (B.G.205)

Trong tiếng Việt, trợ từ nghi vấn **chứ** được kết hợp với **à** để chỉ quan hệ tôn ti là bề dưới (người phát ngôn) với bề trên (người nhận phát ngôn) trong giao tiếp.

Thí dụ:

[78] *He said to Don Corleone. "Shall I bring him here?"* (G.F.33)

Y bảo ông trùm: "Đưa nó lên đây **chứ à**?" (BG.45)

[79] *"This is Kay Adams, Mrs Corleone", she said. "Do you remember me?"*

(GF. 358)

"Cháu là Kei Adamx đây à, thưa bác Còrleoni, bác còn nhớ cháu **chứ à**?" (BG.532)

Tương đương với câu hỏi Có-Không trong tiếng Anh, trong tiếng Việt còn có **chứ gì** được dùng trong câu hỏi để khẳng định thông tin mang sắc thái chủ quan của người phát ngôn. Thí dụ:

[80] *Drank too much?* (F.S.57)

Ông cù uống nhiều quá **chứ gì**? (C.C.57)

Trong tiếng Anh cũng như tiếng Việt có những câu hỏi được dùng để đề nghị hoặc đưa ra yêu cầu của người phát ngôn, mang sắc thái của người là bề trên trong quan hệ giao tiếp với người đối thoại và có ẩn ý ra lệnh cho người nghe. Cụm trợ từ nghi vấn **được chứ** trong tiếng Việt được dùng để biểu thị nét nghĩa này. Thí dụ:

[81] *"Can you have me driven back to the airport?"* (GF.172)

Còn bây giờ anh bảo đứa nào đưa tôi ra sân bay **được chứ**? (B.G.268).

(Còn tiếp)

(Ban Biên tập nhận bài ngày 27-10-2009)